| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH KIÊN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 110/2024/HS-PT<br>Ngày 21 - 6 - 2024 | |

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thành Quang**

*Các Thẩm phán*: Ông **Trần Bá Kha**

Bà **Đặng Thị Bích Vân**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Trương Thị Quý –** Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang*** *tham gia phiên tòa:* Bà **Huỳnh Thị Cẩm Loan –** Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 64/2024/HS-PT ngày 20 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Tấn T và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2024/HS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

*- Bị cáo có kháng cáo*

1. **Nguyễn Tấn T**, sinh năm 1987, tại G - Kiên Giang.

Nơi ĐKHKTT: Tổ D, khu phố C, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở: Khu phố A, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính; Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Tài xế; con ông Nguyễn Văn C và bà Lê Ngọc L; vợ Võ Thị Mỹ H; có 02 người con, sinh năm 2017 và năm 2020; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. **Danh M**, sinh năm 1988, tại C - Kiên Giang.

Nơi ĐKHKTT: Tổ A, khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở: Khu phố A, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Làm thuê; con ông Danh K và bà Thị N; vợ Trần Tí N1; con có 02 người, sinh năm 2012 và năm 2013; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

*- Người bào chữa cho các bị cáo*:

1. Luật sư Vũ Diệu H1 - Văn phòng L3 và cộng sự, Đoàn Luật sư tỉnh K bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tấn T (có mặt).

2. Ông Trần Tuấn A – Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh K bào chữa cho bị cáo Danh M (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Tuấn K1, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ F, khu phố C, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ ngày 26/7/2022, do bắt gặp Trần Tuấn Đ đang chở vợ mình là Nguyễn Võ Tố Q trên xe máy về và đang đậu xe trước nhà Đ tại khu phố C, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang, L1 biết vợ mình có quan hệ tình cảm với Trần Tuấn Đ nên Nguyễn Vũ L2 đã lấy 01 con dao trong cốp xe ra và dùng dao chém Đ gây thương tích ở vùng chẩm trái (hạ chẩm trái), vùng vai- cánh tay trái (vết 4) và vùng cẳng tay trái thì bị Đ giật dao nên L2 bỏ về.

Sau đó, L2 đến gặp Nguyễn Tấn T và kêu T cùng đi gặp Đ giải quyết mâu thuẫn thì T đồng ý. Sau đó, T rủ Danh M cùng đi và kêu L2, M về nhà trọ của T tại khu phố A, phường P, thành phố H. T lấy 01 con dao, L2 lấy 01 con dao rồi M chở T đi đến nhà Đ, L2 chạy xe một mình. Khi đến nơi, L2 nói chuyện với ông K1 là cha của Đ một lúc, sau đó L2 mở cốp xe lấy 01 con dao, M cầm nón bảo hiểm rồi L2 và M lên nhà Đ tìm Đ, còn T cầm 01 con dao đi sau cùng thì bị cha của Đ là ông Trần Tuấn K1 chặn lại, giữa T và ông K1 nói chuyện một lúc thì cả hai xảy ra giằng co xô xát vật nhau cùng lăn xuống phía vỉa hè đường lộ, còn L2 và M ở phía trên nhà tìm Đ, do Đ đóng cửa ở trong nhà nên L2, M quay lại và nhìn thấy T đang giằng co với ông K1 nên kêu ông K1 buông T ra thì ông K1 buông T ra rồi bỏ chạy trốn thì bị T cùng với L2, mỗi người cầm 01 con dao rượt theo ông K1 thì ông K1 bỏ chạy vào căn nhà gần đó. Sau đó M cũng đi theo để đánh ông K1. Thấy ông K1 bị rượt bỏ chạy nên Đ cầm cây dao rựa chạy từ trên nhà xuống chạy theo nhóm của L2 để giải vây cho ông K1. Sau khi ông K1 ra khỏi căn nhà ẩn nấp thì cả hai bên lao vào đánh nhau nhưng không trúng, riêng Đ cầm 01 con dao, loại dao rựa quéo, chạy đến xông vào chém nhau với L2. Sau đó, Đ và L2, mỗi người cầm 01 con dao xông vào xô xát, Đ bị té ngã xuống đường rồi cả hai tiếp tục dùng dao chém qua lại nhiều nhát liên tiếp trúng vào người. M cầm đoạn cây sắt đánh vào người Đ 02 cái. Ông K1 chạy đến giằng co giật cây sắt trên tay M. Khi Đ đứng dậy thì L2 bỏ chạy bị té ngã nên bị Đ dùng dao chém 01 nhát trúng vào cánh tay phải. Đ tiếp tục cầm dao chém M nhiều nhát trúng vào người làm M ngã xuống đường. Sau đó, những người bị thương được đưa đi cấp cứu điều trị thương tích.

* Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 617 ngày 26/10/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh K đã kết luận thương tích của Trần Tuấn Đ như sau (BL617):

- Dấu hiệu chính qua giám định:

+ Sẹo phần mềm vùng thái dương phải, đỉnh- chẩm phải (hạ chẩm phải), chẩm trái (hạ chẩm trái), mặt phải, vai - cánh tay trái (vết 1, 2, 3, 4).

+ Vết thương vùng đỉnh trái gây mẻ bản ngoài xương sọ vùng đỉnh trái. Hiện còn sẹo và xương chưa liền.

+ Vùng lưng hiện không có dấu vết thương tích.

- Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại ở:

+ Vùng đỉnh trái là: 8,8%.

+ Vùng thái dương phải là: 02%.

+ Vùng đỉnh - chẩm phải (hạ chẩm phải) là: 02%.

+ Vùng chẩm trái (hạ chẩm trái) là: 02%.

+ Vùng mặt phải là: 06%.

+ Vùng vai- cánh tay trái: Vết 1 là: 03%, vết 2 là: 01%, vết 3 là: 02%, vết 4 là: 01%.

- Tỷ lệ tổn thương cơ thể do các thương tích gây nên hiện tại là: **25%.**

- Vật gây thương tích:

+ Thương tích vùng đỉnh trái, thái dương phải, đỉnh - chẩm phải (hạ chẩm phải), vai - cánh tay trái (vết 1, 2, 3, 4) do vật sắc gây nên; Vật chứng (Cây dao đánh số 1 và 2) gửi giám định phần lưỡi dao gây được các thương tích này.

+ Thương tích vùng chẩm trái (hạ chẩm trái) và mặt phải do vật có góc cạnh gây nên; Vật chứng (Cây dao đánh số 1 và 2 và thanh sắt đánh dấu số 3) gửi giám định gây được thương tích này.

+ Vùng lưng hiện không có thương tích nên không có cơ sở kết luận vật gây thương tích.

* Tại bản kết luận giám định bổ sung tổn thương cơ thể trên người sống số **784** ngày 12/10/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh K đã kết luận đối với Trần Tuấn Đ như sau (BL520):

- Các kết quả chính: Sẹo phần mềm vùng cẳng tay trái.

- Kết luận:

+ Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trần Tuấn Đ tại thời điểm giám định do thương tích ở cẳng tay trái là**: 01%,** áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

+ Tỷ lệ tổn thương do thương tích gây nên tại thời điểm giám định ở vùng chẩm trái (hạ chẩm trái), vùng vai - cánh tay trái (vết 4) và vùng cẳng tay trái là: **3,95%.**

+ Tỷ lệ tổn thương do thương tích gây nên tại thời điểm giám định ở vùng đỉnh trái, vùng thái dương phải, vùng đỉnh - chẩm (hạ chẩm phải), vùng mặt phải và vùng vai - cánh tay trái (vết 1, 2, 3) là: **22,51%.**

+ Vật gây thương tích ở cẳng tay trái do vật có cạnh sắc gây nên.

+ Về cơ chế hình thành thương tích: Thương tích ở vùng cẳng tay trái do vật có cạnh sắc tác động theo hướng từ phải qua trái, từ sau ra trước so với trục giải phẫu cơ thể.

* Tại bản kết luận giám bổ sung (lần 2) tổn thương cơ thể trên người sống số 932 ngày 06/12/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh K đã kết luận đối với Trần Tuấn Đ như sau :

- Các kết quả chính: Sẹo phần mềm vùng cẳng tay trái. Kết luận:

+ Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trần Tuấn Đ tại thời điểm giám định do thương tích ở cẳng tay trái là***: 01%,*** áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

**Kết luận:** Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trần Tuấn Đ tại thời điểm giám định do thương tích ở vùng chẩm trái (hạ chẩm trái), vùng cẳng tay trái, vùng đỉnh trái, vùng thái dương phải, vùng đỉnh – chẩm phải (hạ chẩm phải), vùng mặt phải và vùng vai – cánh tay trái (vết 1, vết 2, vết 3, 4) là: **26%,** áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

* Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 567 ngày 29/9/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh K đã kết luận thương tích của Nguyễn Vũ L2 như sau (BL276):

- Dấu hiệu chính qua giám định:

+ Sẹo phần mềm vùng đỉnh- chẩm trái, vai cánh tay trái, cánh tay trái đã được điều trị.

+ Vết thương cẳng tay phải, gãy 1/3 dưới xương trụ phải đã được phẫu thuật kết hợp xương. Hiện tại, chưa liền xương còn dụng cụ kết hợp xương.

+ Chấn thương phần mềm vùng mặt lưng bàn tay trái và chân. Hiện tại không thấy dấu vết thương tích do đả thương.

- Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại ở:

+ Vùng đỉnh - chẩm trái là: 02%.

+ Vùng vai - cánh tay trái là: 02%.

+ Vùng cánh tay phải là: 03%.

+ Vùng cẳng tay phải là: 11,8%.

+ Vùng mặt lưng bàn tay phải là: 00%.

+ Vùng chân là: 00%.

- Tỷ lệ tổn thương cơ thể do các thương tích gây nên hiện tại là***: 18%.***

- Vật gây thương tích:

+ Thương tích vùng đỉnh- chẩm trái, vai- cánh tay trái, cánh tay trái, cẳng tay phải do vật sắc gây nên; Vật chứng (Cây dao dạng rựa quéo) gửi giám định phần lưỡi dao gây ra được các thương tích này.

+ Chấn thương phần mềm vùng mặt lưng bàn tay trái và chân do vật tày gây nên; Vật chứng (Cây dao dạng rựa quéo) gửi giám định có phần cán dao, bản dao và sống dao gây ra được thương tích này.

- Về cơ chế hình thành thương tích:

+ Thương tích vùng đỉnh- chẩm trái do vật sắc tác động theo hướng từ trên xuống dưới và từ trái qua phải so với trục giải phẫu của cơ thể.

+ Thương tích vùng vai- cánh tay trái, cánh tay trái do vật sắc tác động theo hướng từ trên xuống dưới và từ sau ra trước so với trục giải phẫu của cơ thể.

+ Thương tích vùng cẳng tay phải do vật sắc tác động theo hướng từ sau ra trước và từ xương trụ qua xương quay so với trục giải phẫu của cơ thể.

+ Chấn thương phần mềm vùng mặt lưng bàn tay trái và chân. Hiện tại không thấy dấu vết thương tích do đã thương nên không có cơ sở kết luận chiều hướng gây ra thương tích.

* Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 570 ngày 30/9/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh K đã kết luận thương tích của Danh M như sau: (BL281).

- Dấu hiệu chính qua giám định:

+ Sẹo phần mềm vùng đỉnh- chẩm giữa, vành tay phải, cổ tay trái, ngón III bàn tay trái và đùi trái.

+ Vết thương đỉnh- chẩm phải, gây nứt sọ vùng đỉnh chẩm phải, máu tụ ngoài mang cứng chẩm phải đã được điều trị. Hiện tại, còn mảnh xương sọ vỡ lún ép vào nhu mô não vùng đỉnh- chẩm phải.

+ Vết thương ngón II bàn tay trái, gãy xương đầu xa đốt ngón 1 ngón II tay trái đã được điều trị.

- Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại ở:

+ Vùng đỉnh- chẩm phải là: 30,17%.

+ Vùng đỉnh- chẩm giữa là: 01%.

+ Vùng vành tay phải là: 01%.

+ Vùng cổ tay trái là: 01%.

+ Vùng ngón II bàn tay trái là: 2,98%.

+ Vùng ngón III bàn tay trái là: 01%.

+ Vùng đùi trái là: 02%.

- Tỷ lệ tổn thương cơ thể do các thương tích gây nên hiện tại là: **36%.**

- Vật gây thương tích:

+ Thương tích vùnag đỉnh- chẩm phải, vành tay phải, cổ tay trái, ngón II bàn tay trái, ngón III bàn tay trái và đùi trái do vật sắc gây nên; Vật chứng (cây dao dạng rựa quéo) gửi giám định gây ra được các thương tích này.

+ Thương tích vùng đỉnh- chẩm giữa do vật tày có cạnh gây nên; Vật chứng (cây dao dạng rựa quéo) phần cán dao; sống dao gửi giám định gây ra được thương tích này.

- Về cơ chế hình thành thương tích:

+ Thương tích vùng đỉnh- chẩm phải và vành tay phải do vật sắc tác động theo hướng từ trên xuống dưới, từ sau ra trước so với trục giải phẫu cơ thể.

+ Thương tích vùng đỉnh - chẩm giữa do vật tày có cạnh tác động theo hướng từ trên xuống dưới và từ sau ra trước so với trục giải phẫu cơ thể.

+ Thương tích vùng cổ tay trái, ngón II bàn tay trái và ngón III bàn tay trái do vật sắc tác động từ sau ra trước so với trục giải phẫu cơ thể.

+ Thương tích đùi trái do vật sắc tác động theo hướng từ trước ra sau so với trục giải phẫu cơ thể.

* Tại Bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 769 ngày 09/10/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh K đã kết luận thương tích của Nguyễn Tấn T như sau (BL517):

- Các kết quả chính:

+ Kết quả khám giám định: Sẹo phần mềm vùng đùi phải và gót chân trái.

+ Kết quả cận lâm sàng: Không thấy hình ảnh bất thường.

- Kết luận:

+ Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Tấn T tại thời điểm giám định là**: 05%**, áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

+ Tỷ lệ tổn thương do thương tích gây nên tại thời điểm giám định ở vùng đùi phải là: 03%.

+ Tỷ lệ tổn thương do thương tích gây nên tại thời điểm giám định ở vùng gót chân trái là: 02%.

- Vật gây thương tích: Vật có cạnh sắc.

- Về cơ chế hình thành thương tích:

+ Thương tích ở vùng đùi phải do vật có cạnh sắc tác động theo hướng từ trước ra sau so với trục giải phẫu của cơ thể.

+ Thương tích ở vùng gót chân trái do vật có cạnh sắc tác động theo hướng từ sau ra trước so với trục giải phẫu của cơ thể.

* Tại Bản kết luận giám định số 4955 ngày 22/9/2022 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận: Không phát hiện thấy dấu vết cắt, ghép, chỉnh sửa về nội dung trong 02 tập tin video gửi giám định ký hiệu A1, A2. Bản ảnh đính kèm tại hình số A, người số 3 vung vật đang cầm trên tay đánh trúng vào đầu người số 1, người số 1 ngã xuống mặt đường.

*** Vật chứng trong vụ án:**

- 01 con dao dài 95 cm, lưỡi dao bằng kim loại kích thước 50 cm x 06 cm, cán dao tròn làm bằng kim loại dài 45 cm, đường kính 2,5 cm, mũi dao quéo rộng 11 cm, bị rỉ sét (đã qua sử dụng).

- 01 con dao dài 77,5 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 49,5 cm, bản dao chỗ rộng nhất 8,4 cm, cán dao tròn bằng gỗ dài khoảng 28 cm (đã qua sử dụng).

- 01 con dao kim loại có chiều dài 34 cm, lưỡi dao dài 22 cm, lưỡi dao rộng 9 cm (đã qua sử dụng).

- 01 con dao kim loại có chiều dài 32 cm, lưỡi dao dài 19 cm, lưỡi dao rộng 9 cm (đã qua sử dụng).

- 01 thanh kim loại màu nâu đỏ có chiều dài 3,68 m, kích thước mặt cắt thanh kim loại là (2x2) cm (đã qua sử dụng).

Các vật chứng đang được bảo quản tại Kho vật chứng Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên.

*** Tại bản án hình sự sơ thẩm số 08/2024/HS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên đã quyết định:**

1. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T 02 (hai) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích".Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo vào chấp hành án.

2. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Danh M 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích". Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo vào chấp hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên bị cáo Trần Tuấn Đ 03 năm tù; bị cáo Nguyễn Vũ L2 02 năm 06 tháng tù; tuyên về trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng; án phí và báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

**Sau khi xét xử sơ thẩm:**

Ngày 26 tháng 4 năm 2024 bị cáo Nguyễn Tấn T có đơn kháng cáo với nội dung: Xin hưởng án treo hoặc giảm nhẹ hình phạt; yêu cầu khởi tố vụ án đối với ông Trần Tuấn K1.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024 bị cáo Danh M có đơn kháng cáo với nội dung: Xin hưởng án treo hoặc giảm nhẹ hình phạt; buộc bị cáo phải bồi thường chi phí điều trị là 85.000.000 đồng; yêu cầu khởi tố vụ án đối với ông Trần Tuấn K1.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Các bị cáo thừa nhận cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng tội danh. Bị cáo Danh M xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Bị cáo Nguyễn Tấn T xin rút một phần kháng cáo

về yêu cầu khởi tố đối với ông Trần Tuấn K1; giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt hoặc hưởng án treo.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau*:

Cấp sơ thẩm điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng quy định của pháp luật. Xét kháng cáo của các bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo M đã tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo; bị cáo T rút phần kháng cáo về yêu cầu khởi tố đối với ông K1 nên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 342 và Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo mà các bị cáo đã rút.

Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo T: Mức án mà cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là phù hợp; bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới tại phiên tòa phúc thẩm nên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, giữ nguyên mức án mà cấp sơ thẩm đã tuyên.

** Luật sư Vũ Diệu H1 phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tấn T như sau:* Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn dẫn đến bị cáo T phạm tội một phần là do bị cáo Đ có quan hệ bất chính với vợ của bị cáo L2, bị cáo T là cha dượng của vợ bị cáo L2. Bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng cấp sơ thẩm lại không áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo mức án dưới khung mà nhận định việc áp dụng Điều 54 đối với bị cáo T không cần thiết là không phù hợp. Do đó, đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo T, áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo T mức án dưới khung hình phạt.

** Trợ giúp viên Trần Tuấn A phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo Danh M như sau:* Tại phiên tòa, bị cáo Danh M đã tự nguyện xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo nên đề nghị HĐXX đình chỉ giải quyết phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo M.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của các bị cáo về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của các bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của bản án sơ thẩm:

Vào khoảng 15 giờ, ngày 26/7/2022 tại khu phố C, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang, do biết vợ có quan hệ tình cảm với Trần Tuấn Đ nên Nguyễn Vũ L2 đã dùng dao chém Đ trúng vùng vai - cánh tay trái (vết 4), vùng cẳng tay trái và vùng chẩm trái (hạ chẩm trái), gây tỷ lệ tổn thương 3,95%. Sau đó, Nguyễn Vũ L2 rủ Nguyễn Tấn T và Danh M cùng mang hung khí đi chém Đ trúng ở vùng đỉnh trái, vùng thái dương phải, vùng đỉnh - chẩm (hạ chẩm phải), vùng mặt phải và vùng vai - cánh tay trái (vết 1, 2, 3), gây tỷ lệ tổn thương 22,51%. Tổng tỷ lệ tổn thương mà L2 gây ra cho Đ là 26%; Đ thì dùng dao chém L2 gây thương tích 18% và chém M gây thương tích 36%. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Danh M và Nguyễn Tấn T phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo:

[3.1]. Xét kháng cáo của bị cáo Danh M.

Tại phiên tòa, bị cáo M đã rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của bị cáo, phù hợp quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 342 và khoản 1 Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Danh M.

[3.2]. Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tấn T.

Tại phiên tòa, bị cáo T tự nguyện xin rút lại phần kháng cáo yêu cầu khởi tố đối với ông Trần Tuấn K1. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 342 Bộ luật tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo này của bị cáo T.

Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt hoặc hưởng án treo của bị cáo T: Xét thấy, trong vụ án bị hại Trần Tuấn Đ không có bất kỳ mâu thuẫn gì với bị cáo T nhưng khi nghe Nguyễn Vũ L2 rủ đi tìm Đ để giải quyết mâu thuẫn thì bị cáo đồng ý và mang theo hung khí (dao) cùng với L2, M tới nhà tìm Đ để chém. Bị cáo là cha dượng của vợ bị cáo L2, đúng ra bị cáo phải can ngăn, khuyên nhủ bị cáo L2 trong lúc L2 đang nóng giận nhưng trái lại bị cáo lại đồng tình, giúp sức cho L2 cầm hung khí cùng đi tìm chém Đ. Mặc dù, thương tích của Đ là do bị cáo L2 trực tiếp chém, nhưng bị cáo và bị cáo M là những người giúp sức tích cực cho bị cáo L2 thực hiện hành vi, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm cùng với bị cáo L2 đối với thương tích của bị hại Đ. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện bản chất côn đồ, hung hăng, xem thường pháp luật, xem nhẹ tính mạng, sức khỏe của người khác. Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ, vai trò hành vi phạm tội của bị cáo, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ và xử phạt bị cáo 02 năm tù là phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T cũng không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt cũng như kháng cáo xin hưởng án treo của hai bị cáo, giữ nguyên phần hình phạt như cấp sơ thẩm đã tuyên.

[4] Về quan điểm của Kiểm sát viên: Đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với toàn bộ kháng cáo của bị cáo M và một phần kháng cáo của bị cáo T; không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt hoặc hưởng án treo của bị cáo T, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về quan điểm của Trợ giúp viên pháp lý và Luật sư:

Đối với quan điểm của Trợ giúp viên Trần Anh T1 đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo M là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

Đối với quan điểm bào chữa của Luật sư H1 đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ của bị cáo T; áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 BLHS xử bị cáo mức án dưới khung hình phạt là không phù hợp. Bởi, mặc dù bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS, tuy nhiên HĐXX xét thấy tính chất hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm, mức án 02 năm tù đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, vai trò phạm tội của bị cáo như HĐXX đã nhận định tại mục [3.2]. Mặt khác, khoản 1 Điều 54 BLHS quy định "Tòa án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng… khi người phạm tội có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật này", do đó khi bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 thì không bắt buộc Tòa án phải áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS. Do vậy, HĐXX không chấp nhận quan điểm đề nghị của Luật sư H1 là thỏa đáng.

[6] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 135 và 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Bị cáo Danh M không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bị cáo T phải chịu án phí 200.000 đồng án phí phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 342 và khoản 1 Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Danh M.

2. Căn cứ vào khoản 3 Điều 342 Bộ luật tố tụng hình sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tấn T về yêu cầu khởi tố đối với ông Trần Tuấn K1.

3. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự;
Không chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tấn T.
Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 08/2024/HS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểmb, s khoản 1, 2 Điều51 Bộ luật hìnhsự; Điều 17, Điều38 Bộ luật Hìnhsự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Tấn T - 02 (hai) năm tù** về tội "**Cố ý gây thương tích**". Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo vào chấp hành án.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135 và 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Danh M không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn Tấn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của Bản án số 08/2024/HS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp . HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Bị cáo (2);
- Cơ quan điều tra huyện (1)
- VKS huyện (1)
- Tòa án huyện (1)
- Thi hành án hình sự huyện (1)
- Chi cục thi hành án dân sự huyện (1)
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Đương sự (2)
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Quang**